# Unit 1 Lesson 3 (trang 12, 13, 14)

**Tiếng Anh lớp 12 Unit 1 Lesson 3** **(trang 12, 13, 14) - ILearn Smart World**  
**Let's Talk!**  
**In pairs: Look at the pictures. Do you know these people and what they have done? Do you think they are inspiring? What do you think makes a person inspiring?**  
*(Theo cặp: Quan sát các bức tranh. Bạn có biết những người này và họ đã làm gì không? Bạn có nghĩ rằng họ đang truyền cảm hứng? Bạn nghĩ điều gì khiến một người truyền cảm hứng?)*  
  
**Lời giải chi tiết:**  
They are Taylor Swift, Nick Vujicic, and Elon Musk. They are inspiring.  
*(Họ là Taylor Swift, Nick Vujicic và Elon Musk. Họ đang truyền cảm hứng.)*  
Swift has influenced numerous music artists, and her albums have inspired a generation of singer-songwriters.  
*(Swift đã ảnh hưởng đến nhiều nghệ sĩ âm nhạc và album của cô đã truyền cảm hứng cho nhiều thế hệ ca sĩ kiêm nhạc sĩ.)*  
Nick Vujicic is the man who has no limbs, yet has inspired millions.  
*(Nick Vujicic là người đàn ông không có chân tay nhưng đã truyền cảm hứng cho hàng triệu người.)*  
Elon Musk is a businessman and investor. He is the second wealthiest person in the world.  
*(Elon Musk là một doanh nhân và nhà đầu tư. Ông là người giàu thứ hai trên thế giới.)*  
*Listening*  
**a. Listen to three students talking about inspiring people. Match the student with the person he/she finds inspiring.**  
*(Nghe ba học sinh nói về những người truyền cảm hứng. Ghép học sinh với người mà em thấy truyền cảm hứng.)*  
   
  
   
Carol • a scientist *(nhà khoa học)*  
Andy • a leader *(lãnh đạo)*  
Amanda • an actor *(diễn viên)*  
**Lời giải chi tiết:**  
Đang cập nhật!  
**b. Now, listen and circle True or False.**  
*(Bây giờ, hãy nghe và khoanh tròn Đúng hoặc Sai.)*  
   
  
   
   
1. Bruce Lee was a martial artist.  
*(Lý Tiểu Long là một võ sĩ.)*  
2. Bruce Lee believed people should aim to do great things.  
*(Lý Tiểu Long tin rằng mọi người nên hướng tới việc làm những điều vĩ đại.)*  
3. Marie Curie won the Nobel Prize three times.  
*(Marie Curie ba lần đoạt giải Nobel.)*  
4. Marie Curie inspired more women to work as scientists.  
*(Marie Curie đã truyền cảm hứng cho nhiều phụ nữ làm nhà khoa học hơn.)*  
5. General Vo Nguyên Giáp built the Vietnamese army from only 54 soldiers to over a million.  
*(Tướng Vo Nguyên Giáp đã xây dựng quân đội Việt Nam từ chỉ 54 quân đến hơn một triệu.)*  
6. Amanda wants to be a scientist when she gets older.  
*(Amanda muốn trở thành nhà khoa học khi lớn lên.)*  
**Lời giải chi tiết:**  
Đang cập nhật!  
**c. In pairs: Do you think the people in the pictures and the Listening are inspiring? Who do you find the most inspiring?**  
*(Theo cặp: Bạn có nghĩ những người trong tranh và Bài nghe có truyền cảm hứng không? Bạn thấy ai là người truyền cảm hứng nhất?)*  
**Lời giải chi tiết:**  
All of them are inspiring. I think Marie Curie is the most inspiring because she was the first woman to win a Nobel Prize, the first person to win a Nobel Prize twice, and the only person to win a Nobel Prize in two scientific fields. She was, in 1906, the first woman to become a professor at the University of Paris.  
*(Tất cả đều truyền cảm hứng. Tôi nghĩ Marie Curie là người truyền cảm hứng nhất vì bà là người phụ nữ đầu tiên đoạt giải Nobel, người đầu tiên hai lần đoạt giải Nobel và là người duy nhất đoạt giải Nobel ở hai lĩnh vực khoa học. Vào năm 1906, bà là người phụ nữ đầu tiên trở thành giáo sư tại Đại học Paris.)*  
**Reading**   
**a. Read the biography about Nellie Bly. What can be said about her? Choose the correct answer.**  
*(Đọc tiểu sử về Nellie Bly. Có thể nói gì về cô ấy? Chọn câu trả lời đúng.)*  
**1.** She was a brave woman who changed her field and the world.  
*(Cô ấy là một người phụ nữ dũng cảm đã thay đổi lĩnh vực của mình và thế giới.)*  
**2.** She was a highly successful woman who was inspired by other women.  
*(Cô ấy là một người phụ nữ rất thành công và được những người phụ nữ khác truyền cảm hứng.)*  
Nellie Bly was an American journalist, best known for her **investigative** reporting. She also made the fastest trip around the world.  
She was born in 1864 in Pennsylvania, the United States. Her parents named her Elizabeth Jane Cochran. She started her career in 1885 after writing an angry response to an article called What Girls Are Good For in the Pittsburgh Dispatch. They were **impressed** and gave her a job. In her first article, she argued that not all women needed to get married, and that they should have better opportunities. She then used the name Nellie Bly for the rest of her career.  
After leaving the Pittsburgh Dispatch, Nellie was **rejected** from jobs because newspapers wouldn't hire a woman. She finally got a job at the New York World by agreeing to pretend to be mentally unwell to investigate a mental **asylum**. Her report **exposed** the asylum's conditions, and it was forced to improve its patient care. f, she wrote about many difficult issues, and most of them are in support of women's lives.  
In 1889, inspired by Jules Verne's novel Around the World in Eighty Days, she took a trip around the world. The idea was rejected by her newspaper at first because "no one but a man can do this", but finally her editor agreed. She traveled alone for most of it, an unusual thing for women to do at the time. She actually met Jules Verne in France and completed the trip after 72 days, setting a world record.  
In her later years, Nellie Bly returned to journalism. She wrote reports about World War I and problems that impacted women. Nellie Bly died in 1922 at the age of 57. Her life has inspired dozens of movies, TV series, and books.  
**Phương pháp giải:**  
**Tạm dịch:**  
*Nellie Bly là một nhà báo người Mỹ, nổi tiếng với những bài báo điều tra. Cô cũng thực hiện chuyến đi vòng quanh thế giới nhanh nhất.*  
*Bà sinh năm 1864 tại Pennsylvania, Hoa Kỳ. Cha mẹ cô đặt tên cô là Elizabeth Jane Cochran. Cô bắt đầu sự nghiệp của mình vào năm 1885 sau khi viết một phản ứng giận dữ cho một bài báo có tên What Girls Are Good For in the Pittsburgh Dispatch. Họ rất ấn tượng và giao cho cô một công việc. Trong bài báo đầu tiên của mình, cô lập luận rằng không phải tất cả phụ nữ đều cần kết hôn và họ nên có những cơ hội tốt hơn. Sau đó cô ấy sử dụng cái tên Nellie Bly trong suốt phần còn lại của sự nghiệp của mình.*  
*Sau khi rời Pittsburgh Dispatch, Nellie bị từ chối việc làm vì báo chí không thuê phụ nữ. Cuối cùng cô cũng kiếm được việc làm tại New York World bằng cách đồng ý giả vờ không khỏe để điều tra một trại tâm thần. Báo cáo của cô đã phơi bày các điều kiện của trại tị nạn và nó buộc phải cải thiện việc chăm sóc bệnh nhân. Trong sự nghiệp của mình, bà đã viết về nhiều vấn đề khó khăn và hầu hết trong số đó đều ủng hộ cuộc sống của phụ nữ.*  
*Năm 1889, lấy cảm hứng từ cuốn tiểu thuyết Vòng quanh thế giới trong tám mươi ngày của Jules Verne, bà đã thực hiện một chuyến đi vòng quanh thế giới. Ý tưởng này ban đầu bị tờ báo của cô bác bỏ vì "không ai ngoài đàn ông có thể làm được việc này", nhưng cuối cùng biên tập viên của cô cũng đồng ý. Cô ấy đi du lịch một mình trong phần lớn thời gian, một điều bất thường đối với phụ nữ vào thời điểm đó. Cô thực sự đã gặp Jules Verne ở Pháp và hoàn thành chuyến đi sau 72 ngày, lập kỷ lục thế giới.*  
*Trong những năm cuối đời, Nellie Bly trở lại nghề báo. Cô viết báo cáo về Thế chiến thứ nhất và những vấn đề ảnh hưởng đến phụ nữ. Nellie Bly qua đời năm 1922 ở tuổi 57. Cuộc đời của bà đã truyền cảm hứng cho hàng chục bộ phim, phim truyền hình và sách.*  
**Lời giải chi tiết:**  
1. She was a brave woman who changed her field and the world.  
*(Cô ấy là một người phụ nữ dũng cảm đã thay đổi lĩnh vực của mình và thế giới.)*  
**b. Match the bold words in the text with their definitions.**  
*(Nối những từ in đậm trong văn bản với định nghĩa của chúng.)*  
1. \_\_\_\_\_\_\_\_\_ (old use) a hospital where people who are mentally ill can be cared for  
2. \_\_\_\_\_\_\_\_\_ involving examining an event or situation to find out the truth  
3. \_\_\_\_\_\_\_\_\_ create a feeling that someone/something is very good or interesting  
4. \_\_\_\_\_\_\_\_\_ refuse to accept or consider something  
5. \_\_\_\_\_\_\_\_\_ show something that is usually hidden  
**Lời giải chi tiết:**  
**1. asylum:** (old use) a hospital where people who are mentally ill can be cared for  
*(tị nạn: (cách sử dụng cũ) bệnh viện nơi những người bị bệnh tâm thần có thể được chăm sóc)*  
**2. investigate:** involving examining an event or situation to find out the truth  
*(điều tra: liên quan đến việc kiểm tra một sự kiện hoặc tình huống để tìm ra sự thật)*  
**3. impress:** create a feeling that someone/something is very good or interesting  
*(gây ấn tượng: tạo cảm giác ai đó/cái gì đó rất tốt hoặc thú vị)*  
**4. reject:** refuse to accept or consider something  
*(từ chối: từ chối chấp nhận hoặc xem xét điều gì đó)*  
**5. expose:** show something that is usually hidden  
*(hiển thị: hiển thị một cái gì đó thường bị ẩn)*  
**c. Now, read and answer the questions.**  
*(Bây giờ hãy đọc và trả lời các câu hỏi.)*  
1. According to paragraph 2, all of the following are true EXCEPT\_\_\_\_\_\_\_\_\_.  
*(Theo đoạn 2, tất cả những điều sau đây đều đúng NGOẠI TRỪ)*  
A. Nellie Bly wasn't happy with career options women had back then  
*(Nellie Bly không hài lòng với những lựa chọn nghề nghiệp mà phụ nữ có vào thời đó)*  
B. Elizabeth Jane Cochran wrote her first article under the name Nellie Bly  
 *(Elizabeth Jane Cochran viết bài báo đầu tiên của mình dưới cái tên Nellie Bly)*  
C. Nellie Bly was interested in writing about women's lives  
*(Nellie Bly thích viết về cuộc sống của phụ nữ)*  
2. The word pretend in paragraph 3 is closest in meaning to \_\_\_\_\_\_\_\_\_.  
*(Từ pretend ở đoạn 3 có nghĩa gần nhất với)*  
A. put on an act  
*(thực hiện một hành động)*  
B. imagine  
*(tưởng tượng)*  
C. say  
*(nói)*  
3. How did Nellie Bly get her job at the New York World? \_\_\_\_\_\_\_\_\_  
*(Làm thế nào Nellie Bly có được công việc của mình tại New York World?)*  
4. Which of the following can be inferred from paragraph 3?  
*(Điều nào sau đây có thể được suy ra từ đoạn 3?)*  
A. The mental hospital treated its patients badly.  
*(Bệnh viện tâm thần đối xử tệ với bệnh nhân của mình.)*  
B. Nellie Bly was already well known as a journalist before she wrote for the New York World.  
*(Nellie Bly đã nổi tiếng với tư cách là một nhà báo trước khi cô viết bài cho tờ New York World.)*  
C. Nellie didn't have any difficulty getting into the hospital.  
*(Nellie không gặp khó khăn gì khi vào bệnh viện.)*  
5. Why did Nellie Bly make a trip around the world? \_\_\_\_\_\_\_\_\_  
*(Tại sao Nellie Bly lại thực hiện chuyến đi vòng quanh thế giới?)*  
**Lời giải chi tiết:**  
**1. A**  
According to paragraph 2, all of the following are true EXCEPT **Nellie Bly wasn't happy with career options women had back then**.  
*(Theo đoạn 2, tất cả những điều sau đây đều đúng NGOẠI TRỪ Nellie Bly không hài lòng với những lựa chọn nghề nghiệp mà phụ nữ có vào thời đó)*  
**Thông tin:** She started her career in 1885 after writing an angry response to an article called What Girls Are Good For in the Pittsburgh Dispatch. They were **impressed** and gave her a job. In her first article, she argued that not all women needed to get married, and that they should have better opportunities. She then used the name Nellie Bly for the rest of her career.  
(*Cô bắt đầu sự nghiệp của mình vào năm 1885 sau khi viết một phản ứng giận dữ cho một bài báo có tên What Girls Are Good For in the Pittsburgh Dispatch. Họ rất ấn tượng và giao cho cô một công việc. Trong bài báo đầu tiên của mình, cô lập luận rằng không phải tất cả phụ nữ đều cần kết hôn và họ nên có những cơ hội tốt hơn. Sau đó cô ấy sử dụng cái tên Nellie Bly trong suốt phần còn lại của sự nghiệp của mình.)*  
**2. A**  
The word pretend in paragraph 3 is closest in meaning to **put on an act**.  
 *(Từ pretend ở đoạn 3 có nghĩa gần nhất với thực hiện một hành động)*  
**Thông tin:** She finally got a job at the New York World by agreeing to pretend to be mentally unwell to investigate a mental **asylum**.  
(*Cuối cùng cô cũng kiếm được việc làm tại New York World bằng cách đồng ý giả vờ không khỏe để điều tra một trại tâm thần.)*  
**3.** by agreeing to pretend to be mentally unwell to investigate a mental asylum.  
(*bằng cách đồng ý giả vờ không khỏe để điều tra một trại tâm thần.)*  
**Thông tin:** She finally got a job at the New York World by agreeing to pretend to be mentally unwell to investigate a mental **asylum**.  
(*Cuối cùng cô cũng kiếm được việc làm tại New York World bằng cách đồng ý giả vờ không khỏe để điều tra một trại tâm thần.)*  
**4. A**  
Which of the following can be inferred from paragraph 3? - The mental hospital treated its patients badly.  
*(Bệnh viện tâm thần đối xử tệ với bệnh nhân của mình. - Điều nào sau đây có thể được suy ra từ đoạn 3?)*  
**Thông tin:** Her report **exposed** the asylum's conditions, and it was forced to improve its patient care.  
(*Báo cáo của cô đã phơi bày các điều kiện của trại tị nạn và nó buộc phải cải thiện việc chăm sóc bệnh nhân.)*  
**5.** Because in 1889, inspired by Jules Verne's novel Around the World in Eighty Days.  
(*Vì* *năm 1889, lấy cảm hứng từ cuốn tiểu thuyết Vòng quanh thế giới trong tám mươi ngày của Jules Verne.)*  
**Thông tin:** In 1889, inspired by Jules Verne's novel Around the World in Eighty Days, she took a trip around the world.  
(*Năm 1889, lấy cảm hứng từ cuốn tiểu thuyết Vòng quanh thế giới trong tám mươi ngày của Jules Verne, bà đã thực hiện một chuyến đi vòng quanh thế giới.)*  
**d. Listen and read.**  
*(Nghe và đọc.)*  
   
  
   
**e. In pairs: What do you think about Nellie Bly?**  
*(Theo cặp: Bạn nghĩ gì về Nellie Bly?)*  
**Lời giải chi tiết:**  
Nellie Bly is a great role model because she was courageous, determined, compassionate, and driven. She showed that anyone can make a difference in the world if they are willing to work hard and follow their dreams, and she continues to inspire people to this day.  
*(Nellie Bly là một hình mẫu tuyệt vời vì cô ấy can đảm, quyết đoán, giàu lòng nhân ái và có nghị lực. Cô ấy đã cho thấy rằng bất kỳ ai cũng có thể tạo ra sự khác biệt trên thế giới nếu họ sẵn sàng làm việc chăm chỉ và theo đuổi ước mơ của mình, và cô ấy vẫn tiếp tục truyền cảm hứng cho mọi người cho đến ngày nay.)*  
**Writing**   
**a. Read about using time expressions, then read the biography about Nellie Bly again and circle the time expressions that were used.**  
*(Đọc về cách sử dụng biểu thức thời gian, sau đó đọc lại tiểu sử về Nellie Bly và khoanh tròn các biểu thức thời gian đã được sử dụng.)*  
**Phương pháp giải:**  
  
  
  
  
**Writing Skill** *(Kĩ năng viết)*  
**Using time expressions** *(Sử dụng biểu thức thời gian)*  
When writing a biography, you need to use many time expressions. Some common time expressions are:  
*(Khi viết tiểu sử, bạn cần sử dụng nhiều cách diễn đạt chỉ thời gian. Một số biểu thức thời gian phổ biến là)*  
• **At the age of ...:** when someone was a certain age  
*(At the age of...: khi ai đó ở một độ tuổi nhất định)*  
At the age of 16, she graduated from high school.  
*(Năm 16 tuổi, cô tốt nghiệp trung học.)*  
• **As a** (child/teenager): when someone was a (child/teenager)  
*(As a (trẻ em/thiếu niên): khi ai đó còn là (trẻ em/thiếu niên))*  
As a teenager, she met many inspiring people who were her parents' guests.  
*(Khi còn là thiếu niên, cô đã gặp nhiều người truyền cảm hứng và là khách của cha mẹ cô.)*  
• **During** + time period: all through a period of time  
*(During + khoảng thời gian: xuyên suốt một khoảng thời gian)*  
During the war, she and people in her organization risked their lives to help others.  
*(Trong chiến tranh, cô và những người trong tổ chức của mình đã liều mạng để giúp đỡ người khác.)*  
• **For** + length of time: how long something happened  
*(For + khoảng thời gian: việc gì đó đã xảy ra trong bao lâu)*  
They researched and developed many airplane models for four years.  
*(Họ đã nghiên cứu và phát triển nhiều mẫu máy bay trong 4 năm.)*  
  
  
  
  
**Lời giải chi tiết:**  
Nellie Bly was an American journalist, best known for her **investigative** reporting. She also made the fastest trip around the world.  
She was born in 1864 in Pennsylvania, the United States. Her parents named her Elizabeth Jane Cochran. She started her career in 1885 after writing an angry response to an article called What Girls Are Good For in the Pittsburgh Dispatch. They were **impressed** and gave her a job. In her first article, she argued that not all women needed to get married, and that they should have better opportunities. She then used the name Nellie Bly for the rest of her career.  
After leaving the Pittsburgh Dispatch, Nellie was **rejected** from jobs because newspapers wouldn't hire a woman. She finally got a job at the New York World by agreeing to pretend to be mentally unwell to investigate a mental **asylum**. Her report **exposed** the asylum's conditions, and it was forced to improve its patient care, she wrote about many difficult issues, and most of them are in support of women's lives.  
In 1889, inspired by Jules Verne's novel Around the World in Eighty Days, she took a trip around the world. The idea was rejected by her newspaper at first because "no one but a man can do this", but finally her editor agreed. She traveled alone for most of it, an unusual thing for women to do at the time. She actually met Jules Verne in France and completed the trip after 72 days, setting a world record.  
In her later years, Nellie Bly returned to journalism. She wrote reports about World War I and problems that impacted women. Nellie Bly died in 1922 at the age of 57. Her life has inspired dozens of movies, TV series, and books.  
**b. Fill in the blanks with at the age of, as a, during, or for.**  
*(Điền vào chỗ trống at the age of, as a, while, hoặc for.)*  
1. She learned how to play the piano \_\_\_\_\_\_\_\_\_ four.  
2. ­­­­­­­­­­­­\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ his teenage years, he learned how to paint with various great painters of the time.  
3. He spent most of his free time exploring the country \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ boy.  
4. \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ over 20 years, he fought for the freedom of his country.  
**Lời giải chi tiết:**  
1. She learned how to play the piano **at the age of** four.  
*(Cô học chơi piano khi mới 4 tuổi.)*  
2. ­­­­­­­­­­­­**During** his teenage years, he learned how to paint with various great painters of the time.  
*(Trong thời niên thiếu, anh đã học cách vẽ tranh với nhiều họa sĩ vĩ đại khác nhau vào thời đó.)*  
3. He spent most of his free time exploring the country **as a** boy.  
*(Anh ấy dành phần lớn thời gian rảnh rỗi để khám phá đất nước khi còn là một cậu bé.)*  
4. **For** over 20 years, he fought for the freedom of his country.  
*(Trong hơn 20 năm, ông đã đấu tranh cho tự do của đất nước mình.)*  
**Speaking**   
**a. You're working on a project about inspiring people. In pairs: Student B, Student A, you want to find out about Yvonne Young Clark. Ask Student B questions and complete the notes below.**  
*(Bạn đang thực hiện một dự án về việc truyền cảm hứng cho mọi người. Làm theo cặp: Học sinh B, Học sinh A, các em muốn tìm hiểu về Yvonne Young Clark. Đặt câu hỏi cho Học sinh B và hoàn thành các ghi chú bên dưới.)*  
**Yvonne Young Clark** (known as Y.Y.) - "The First Lady of Engineering"  
**Early life:**  
•\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_: was born in Houston, Texas, the USA  
• loved \_\_\_\_\_\_\_\_\_ as a child  
•\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_: attended Howard University  
• only woman in her class and the first woman to earn a degree in mechanical engineering  
**Career and achievements:**  
• struggled to find jobs because of her skin color and gender  
•\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_: got married and moved to Tennessee at the age of 25  
• worked as \_\_\_\_\_\_\_\_\_ at Tennessee State University for the next 55 years  
• first female member of her department  
• worked for \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ during her summer breaks  
• contributed to the development of the engine of the rocket Saturn V and the box used to bring moon samples back  
**Death and influence:**  
• received many awards for her contributions  
• \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_: died at the age of \_\_\_\_\_\_\_\_\_  
• A scholarship in her name was established at Tennessee State University.  
**Lời giải chi tiết:**  
**Yvonne Young Clark** (known as Y.Y.) - "The First Lady of Engineering"  
**Early life:**  
•**1929:** was born in Houston, Texas, the USA  
• loved **building and fixing** things as a child  
•**1947- 1951**: attended Howard University  
• only woman in her class and the first woman to earn a degree in mechanical engineering  
**Career and achievements:**  
• struggled to find jobs because of her skin color and gender  
•**1955:** got married and moved to Tennessee at the age of 25  
• worked as **an engineering professor** at Tennessee State University for the next 55 years  
• first female member of her department  
• worked for **NASA** during her summer breaks  
• contributed to the development of the engine of the rocket Saturn V and the box used to bring moon samples back  
**Death and influence:**  
• received many awards for her contributions  
•**2019**: died at the age of **89**  
• A scholarship in her name was established at Tennessee State University.  
**Tạm dịch:**  
*Yvonne Young Clark (được gọi là Y.Y.) - "Đệ nhất phu nhân kỹ thuật"*  
*Đầu đời:*  
*•1929: sinh tại Houston, Texas, Mỹ*  
*• thích xây dựng và sửa chữa mọi thứ khi còn nhỏ*  
*•2947- 1951: theo học tại Đại học Howard*  
*• người phụ nữ duy nhất trong lớp và là người phụ nữ đầu tiên có bằng kỹ sư cơ khí*  
*Sự nghiệp và thành tích:*  
*• chật vật tìm việc làm vì màu da và giới tính*  
*•1955: kết hôn và chuyển tới Tennessee lúc 25 tuổi*  
*• làm giáo sư kỹ thuật tại Đại học Bang Tennessee trong 55 năm tiếp theo*  
*• thành viên nữ đầu tiên trong bộ phận của mình*  
*• làm việc cho NASA trong kỳ nghỉ hè*  
*• góp phần phát triển động cơ của tên lửa Saturn V và chiếc hộp dùng để mang mẫu mặt trăng về*  
*Cái chết và ảnh hưởng:*  
*• nhận được nhiều giải thưởng vì những đóng góp của mình*  
*•2019: qua đời hưởng thọ 89 tuổi*  
*• Một học bổng mang tên cô được thành lập tại Đại học bang Tennessee.*  
**b. Swap roles and repeat. Answer Student B's questions about Nguyên Ngoc Ky.**  
*(Đổi vai và lặp lại. Trả lời câu hỏi của học sinh B về Nguyên Ngọc Ký.)*  
**Nguyên Ngoc Ky** - Vietnamese teacher and writer  
**Early life:**  
• June 28, 1947: was born in Hai Hau, Nam Dinh Province  
• got sick at the age of four and couldn't use his arms afterwards  
• wanted to go to school as a boy but wasn't allowed  
• learned to write with his feet  
• 1963: got 5\*' place in a math competition and given an award by President Hô Chi Minh  
• 1960s: studied literature at Bai hoc Tong hop ik, Noi  
**Career and achievements:**  
• as a young man, became a teacher in his hometown  
• 1993: received the title "Outstanding Teacher"  
• 2005: Vietnam Book of Records awarded him the title "First Teacher to Use His Feet to Write"  
**Death and influence:**  
• September 28, 1970: died at the age of 75  
• Vietnamese students are still taught about him as an example of why you should believe in yourself.  
**Phương pháp giải:**  
**Tạm dịch:**  
*Nguyễn Ngọc Kỷ - Nhà giáo, nhà văn Việt Nam*  
*Đầu đời:*  
*• 28/06/1947: sinh tại Hải Hậu, tỉnh Nam Định*  
*• bị bệnh lúc bốn tuổi và sau đó không thể sử dụng được cánh tay*  
*• muốn đi học khi còn nhỏ nhưng không được phép*  
*• học viết bằng chân*  
*• Năm 1963: Đạt giải 5\*' môn toán và được Chủ tịch Hồ Chí Minh tặng bằng khen*  
*• Thập niên 1960: học văn tại Bài học Tông hợp ik, Nội*  
*Sự nghiệp và thành tích:*  
*• khi còn trẻ đã trở thành giáo viên ở quê nhà*  
*• 1993: nhận danh hiệu “Nhà giáo ưu tú”*  
*• 2005: Kỷ lục Việt Nam trao tặng ông danh hiệu “Người thầy đầu tiên dùng chân để viết”*  
*Cái chết và ảnh hưởng:*  
*• Ngày 28/9/1970: qua đời, hưởng thọ 75 tuổi*  
*• Sinh viên Việt Nam vẫn được dạy về ông như một ví dụ về lý do tại sao bạn nên tin vào chính mình.*  
**Lời giải chi tiết:**  
Đang cập nhật!  
  
**Useful language**   
**a. Read the biography about Nellie Bly again. In which paragraph are the following phrases used? Write the paragraph numbers (1-5) on the lines.**  
*(Đọc lại tiểu sử về Nellie Bly. Những cụm từ sau được sử dụng trong đoạn văn nào? Viết số đoạn văn (1-5) trên các dòng.)*  
Useful language  
Talking about interests:  
\_\_\_\_ He showed an interest in ...  
\_\_\_\_ She developed an interest for ...  
Talking about career:  
\_\_\_\_ She started (her career)  
\_\_\_\_ He worked as/for ...  
\_\_\_\_ She contributed to ...  
Talking about achievements:  
\_\_\_\_ She was best known for ...  
\_\_\_\_ He was considered ...  
\_\_\_\_ He was remembered as ...  
**Lời giải chi tiết:**  
Talking about interests:  
*(Nói về sở thích)*  
\_\_\_\_\_ He showed an interest in ...  
*(Anh ấy tỏ ra quan tâm đến ...)*  
\_\_\_\_\_ She developed an interest for ...  
*(Cô ấy bắt đầu quan tâm đến ...)*  
Talking about career:  
*(Nói về sự nghiệp)*  
\_\_\_**2**\_\_\_ She started (her career)  
*(Cô ấy đã bắt đầu (sự nghiệp của mình))*  
\_\_\_\_\_\_He worked as/for ...  
*(Anh ấy làm việc với tư cách/cho...)*  
\_\_\_\_\_\_ She contributed to ...  
*(Cô ấy đã góp phần vào...)*  
Talking about achievements:  
*(Nói về thành tích)*  
\_\_\_**1**\_\_\_ She was best known for ...  
*(Cô ấy được biết đến nhiều nhất với ...)*  
\_\_\_\_ He was considered ...  
*(Anh ấy được coi là...)*  
\_\_\_\_ He was remembered as ...  
*(Anh ấy được nhớ đến như là...)*  
**b. Use the information in the Listening and the Useful Language box to write sentences for their biographies.**  
*(Sử dụng thông tin trong hộp Nghe và Ngôn ngữ hữu ích để viết câu cho tiểu sử của họ.)*  
Bruce Lee: \_\_\_\_  
Marie Curie: \_\_\_\_  
General Vo Nguyên Giap: \_\_\_\_  
**Lời giải chi tiết:**  
Bruce Lee is considered by some commentators and martial artists to be the most influential martial artist of all time and a pop culture icon of the 20th century, who bridged the gap between East and West.  
*(Lý Tiểu Long được một số nhà bình luận và võ sĩ coi là võ sĩ có ảnh hưởng nhất mọi thời đại và là biểu tượng văn hóa đại chúng của thế kỷ 20, người đã thu hẹp khoảng cách giữa Đông và Tây.)*  
The physical and societal aspects of the Curies' work contributed to shaping the world of the twentieth and twenty-first centuries.  
*(Các khía cạnh vật chất và xã hội trong tác phẩm của Curies đã góp phần định hình thế giới của thế kỷ XX và XXI.)*  
General Vo Nguyên Giap was best known for one of the greatest military strategists of the 20th century.  
*(Tướng Võ Nguyên Giáp được biết đến là một trong những nhà chiến lược quân sự vĩ đại nhất thế kỷ 20.)*  
**Let's Write!**  
**Now, write a biography about Yvonne Young Clark or Nguyên Ngoc Ky. Use the Writing Skill box, the reading model, and your speaking notes to help you. Write 180-200 words.**  
*(Bây giờ, hãy viết tiểu sử về Yvonne Young Clark hoặc Nguyên Ngọc Ký. Sử dụng hộp Kỹ năng Viết, mẫu bài đọc và ghi chú nói của bạn để giúp bạn. Viết 180-200 từ.)*  
**Lời giải chi tiết:**  
Yvonne Young Clark was known as Y.Y. and she was "The First Lady of Engineering".  
She was born in Houston, Texas, the USA in 1929. She loved building and fixing things as a child. In 1945 she graduated from high school at age 16 and spent the next two years studying at Girls Latin School in Boston. From 1947 to 1951, she attended Howard University. She was the only woman in her class and also the first woman to earn a degree in mechanical engineering.  
She struggled to find jobs because of her skin color and gender. In 1955, she got married. After that, Yvonne moved to Tennessee at the age of 25. She worked as an engineering professor at Tennessee State University for the next 55 years. Yvonne was the first female member of her department. She worked for NASA during her summer breaks. She contributed to the development of the engine of the rocket Saturn V and the box used to bring moon samples back.  
She received many awards for her contributions. In 2019, she died at the age of 89. A scholarship in her name was established at Tennessee State University.  
**Tạm dịch:**  
*Yvonne Young Clark được biết đến với cái tên Y.Y. và bà là "Đệ nhất phu nhân kỹ thuật".*  
*Bà sinh ra ở Houston, Texas, Mỹ vào năm 1929. Khi còn nhỏ, bà yêu thích việc xây dựng và sửa chữa mọi thứ. Năm 1945, bà* *tốt nghiệp trung học ở tuổi 16 và dành hai năm tiếp theo để học tại Trường Nữ sinh Latin ở Boston. Từ năm 1947 đến năm 1951, bà theo học tại Đại học Howard. Bà* *là người phụ nữ duy nhất trong lớp và cũng là người phụ nữ đầu tiên có bằng kỹ sư cơ khí.*  
*Bà* *gặp khó khăn khi tìm việc làm vì màu da và giới tính của mình. Năm 1955, bà kết hôn. Sau đó, Yvonne chuyển đến Tennessee ở tuổi 25. Bà làm giáo sư kỹ thuật tại Đại học bang Tennessee trong 55 năm tiếp theo. Yvonne là thành viên nữ đầu tiên trong bộ phận của bà* *ấy. bà* *ấy đã làm việc cho NASA trong kỳ nghỉ hè của mình. Bà đã đóng góp vào việc phát triển động cơ của tên lửa Saturn V và chiếc hộp dùng để mang các mẫu mặt trăng về.*  
*Bà* *đã nhận được nhiều giải thưởng cho những đóng góp của mình. Năm 2019, bà qua đời ở tuổi 89. Một học bổng mang tên bà được thành lập tại Đại học bang Tennessee.*  
**Xem thêm các bài giải SGK Tiếng Anh 12 sách ILearn Smart World hay, chi tiết khác:**  
Unit 1 Lesson 1 (trang 4, 5, 6, 7)  
Unit 1 Lesson 2 (trang 8, 9, 10, 11)